

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HƯỚNG HÓA  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2024

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HÓA, TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Anh Cư và ông Lê Văn Vũ.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Tú Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Thị Hoài Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại **Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa**, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 70/2024/TLST-HNGĐ ngày 27/5/2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh **Hồ Trọng N**; sinh năm: 1973; Nơi cư trú: **K, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; Có mặt.

*Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị L**; sinh năm: 1975; Nơi cư trú: **K, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị**; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn anh **Hồ Trọng N** trình bày trong đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông **Hồ Trọng N** và bà **Nguyễn Thị L** tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 21/9/1994 tại **UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống bình thường, nhưng 2 năm trở lại đây vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, gây gổ nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung nên từ cuối tháng 02 năm 2024 bà **Nguyễn Thị L** đã bỏ đi khỏi nhà

không rõ lý do. Nhận thấy vợ chồng đã hết tình cảm, không còn yêu thương, quan tâm nhau nên ông **Hồ Trọng N** yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông **Hồ Trọng N** được ly hôn bà **Nguyễn Thị L**.

Về con chung: Ông **Hồ Trọng N** và bà **Nguyễn Thị L** có 02 con chung là **Hồ Thị Mỹ L1**, sinh ngày 30/8/1995 và **Hồ Trọng V**, sinh ngày 20/6/1998. Khi ly hôn, các con đều đã thành niên và có gia đình nên ông **Hồ Trọng N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông **Hồ Trọng N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày bằng văn bản gửi cho Tòa án:** Bà **Nguyễn Thị L** và ông **Hồ Trọng N** tự nguyện kết hôn ngày 21/9/1994 tại **UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**. Nhưng từ năm 2022 trở lại đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, gây gổ nhau, vợ chồng không còn yêu thương nhau và quan tâm nhau nữa. Nay ông **Hồ Trọng N** làm đơn xin ly hôn thì bà **L** đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà **Nguyễn Thị L** và ông **Hồ Trọng N** có 02 con chung là **Hồ Thị Mỹ L1**, sinh ngày 30/8/1995 và **Hồ Trọng V**, sinh ngày 20/6/1998. Khi ly hôn, các con đều đã thành niên và có gia đình nên bà **Nguyễn Thị L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà **Nguyễn Thị L** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà **Nguyễn Thị L** yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

*Về tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ông **Hồ Trọng N** được ly hôn bà **Nguyễn Thị L**.

Về con chung: Ông **Hồ Trọng N** và bà **Nguyễn Thị L** có 02 con chung là **Hồ Thị Mỹ L1**, sinh ngày 30/8/1995 và **Hồ Trọng V**, sinh ngày 20/6/1998. Khi ly hôn, các con đều đã thành niên và có gia đình nên ông **Hồ Trọng N** và bà **Nguyễn Thị L** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Ông **Hồ Trọng N** và bà **Nguyễn Thị L** đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Ông **Hồ Trọng N** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:**

*Về quan hệ tranh chấp:* Ông **Hồ Trọng N** có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn bà **Nguyễn Thị L**, Toà án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn bà **Nguyễn Thị L** cư trú tại **khối E, thị trấn K, huyện H, tỉnh Quảng Trị** nên vụ án, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Hướng Hoá theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về sự vắng mặt của bị đơn:* Bị đơn bà **Nguyễn Thị L** được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị Toà án giải quyết và xét xử vắng mặt. Toà án căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà **Nguyễn Thị L**.

#### **[2]. Về nội dung vụ án:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông **Hồ Trọng N** và bà **Nguyễn Thị L** tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1994 tại **UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình**. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, gây gỗ nhau; Qua xác minh tại địa phương thì ông **N** và bà **L** không còn chung sống với nhau, đã ly thân; Tại đơn trình bày ý kiến bà **L** cũng đồng ý ly hôn ông **N**; Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho ông **Hồ Trọng N** được ly hôn bà **Nguyễn Thị L**.

*Về con chung:* Ông **Hồ Trọng N** và bà **Nguyễn Thị L** có 02 con chung là **Hồ Thị Mỹ L1**, sinh ngày 30/8/1995 và **Hồ Trọng V**, sinh ngày 20/6/1998. Khi ly hôn, các con đều đã thành niên và có gia đình, ông **Hồ Trọng N** và bà **Nguyễn Thị L** không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Về tài sản chung:* Ông **Hồ Trọng N** và bà **Nguyễn Thị L** đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3]. Về án phí:** Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông **Hồ Trọng N** phải án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa ông Hồ Trọng N và bà Nguyễn Thị L (Giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/9/1994 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình).

**2. Về án phí:** Ông Hồ Trọng N phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000115 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị. Ông Hồ Trọng N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện H.Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện H.Hóa;
- UBND xã Quảng Hoà;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Ngọc**